

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PGS**

Mã hồ sơ: .....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên  Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y học; Chuyên ngành: Y tế Công cộng

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: **LÊ THỊ HẰNG**

2. Ngày tháng năm sinh: 26/3/1964; Nam: ; Nữ:  Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Thạch Kim, Huyện Lộc Hà, Tỉnh Hà Tĩnh.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 9, Ngõ 90, Phố Chính Kinh, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số nhà A78 TT9, Khu đô thị Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: +84 39 6963586; Điện thoại di động: +84 913349721;

E-mail: [hang.bvxd@yahoo.com](mailto:hang.bvxd@yahoo.com) / [hang.ump@vnu.edu.vn](mailto:hang.ump@vnu.edu.vn)

## 7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Thời gian	Vị trí công tác	Cơ quan công tác	Địa chỉ Cơ quan
1989-1995	Bác sĩ điều trị	Khoa Nội, Bệnh viện Châm cứu Trung ương	P. Thái Thịnh, Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội
1995-1999	Bác sĩ điều trị	Khoa PHCN – Điều trị bệnh nghề nghiệp, Trung tâm Y tế Xây dựng (nay là Bệnh viện Xây dựng)	P. Thanh Xuân Bắc, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
1999-2001	Học viên Cao học	Học viện Quân Y – Bộ Quốc Phòng	P. Phúc La, Hà Đông, Hà Nội
2002-2007	Nghiên cứu sinh chuyên tiếp	Học viện Quân Y – Bộ Quốc Phòng	P. Phúc La, Hà Đông, Hà Nội
2001-2003	Trưởng phòng	Phòng khám và Điều trị Bệnh nghề nghiệp & PHCN, Trung tâm Y tế Xây dựng	P. Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội
2003-2005	Phó Giám đốc, Chi ủy viên Chi bộ Trung tâm Y tế Xây dựng (Đảng bộ Bệnh viện Xây dựng)	Trung tâm Y tế Xây dựng (từ 12/9/2005 được nâng cấp thành Bệnh viện Xây dựng)	P. Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội
2005-2019	Giám đốc, Bí thư Đảng bộ Bệnh viện Xây dựng, UVBCH Đảng bộ Bộ Xây dựng nhiệm kỳ 2010-2015; 2015-2020	Bệnh viện Xây dựng, Bộ Xây dựng (từ 9/11/2022 đến nay được chuyển về ĐHQGHN tổ chức lại thành Bệnh viện Đại học Y Dược, ĐHQGHN)	P. Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội
2019-Nay	Giảng viên cao cấp, Phó trưởng Bộ môn PHCN kiêm nhiệm Phó Trưởng phòng TCCB.	Bộ môn Liên chuyên khoa, Phục hồi chức năng, kiêm nhiệm ở Phòng Tổ chức Cán bộ, Trường Đại học Y Dược, ĐHQGHN	Tòa nhà Y3, 144 Xuân Thủy, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội

Chức vụ hiện nay: Phó trưởng Bộ môn PHCN kiêm nhiệm Phó Trưởng phòng TCCB;

Chức vụ cao nhất đã qua: Giám đốc Bệnh viện.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Y Dược, ĐHQGHN.

Địa chỉ cơ quan: Tòa nhà Y3, 144 Xuân Thủy, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 0234 7450 188

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Y tế Công cộng.



8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 28 tháng 11 năm 1992; Số văn bằng: A48047; ngành: Y; chuyên ngành: Bác sĩ đa khoa Nội Nhi; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 18 tháng 12 năm 2003; Số văn bằng: 01-0085 N<sup>0</sup>. A 001480; ngành: Y học; chuyên ngành: Dịch tễ học; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Học viện Quân Y - Bộ Quốc phòng, Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 06 tháng 11 năm 2007; Số văn bằng: 05192; ngành: Y học; chuyên ngành: Dịch tễ học; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Bộ Giáo dục và Đào tạo, Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ....; số văn bằng: .....; ngành: .....; chuyên ngành: .....; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): .....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày... tháng... năm ... , ngành: .....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Y Dược, ĐHQGHN.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: Y tế công cộng liên quan đến sức khỏe nghề nghiệp

- Hướng nghiên cứu 2: Quản lý y tế liên quan tới quản trị bệnh viện

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn phụ (số lượng) **01** NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) **10** HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (trong đó, 08 ThS/CK2 đã có bằng; 02 HVCH chưa có bằng); trong đó hướng dẫn chính 04 ThS và 03 CK2 đã được cấp bằng.

- Đã hoàn thành **11** đề tài NCKH trong đó **10** đề tài NCKH cấp Bộ và **01** nhiệm vụ NCKH Cấp Nhà nước;

- Đã công bố (số lượng) **46** bài báo khoa học, trong đó là tác giả chính của **03** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) ..... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản **04**, trong đó **04** thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: .....



15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Huân chương Lao động hạng Nhì, Thầy thuốc ưu tú, Thầy thuốc Nhân dân, Danh hiệu Chiến sĩ Thi đua toàn quốc, Chiến sĩ Thi đua ngành Xây dựng, nhiều bằng khen cấp Bộ, Bằng khen của Ban Tuyên giáo Trung ương, Kỷ niệm chương vì sự nghiệp phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

a) Về hoạt động đào tạo:

- Mức độ hoàn thành khối lượng giảng dạy, nhiệm vụ của giảng viên theo quy định hiện hành:

+ Giảng viên có thâm niên giảng dạy 13 năm trình độ đại học và sau đại học. Từ 2019, giảng viên chuyển công tác từ Bệnh viện Xây dựng, Bộ Xây dựng (nay là Bệnh viện Đại học Y Dược, ĐHQGHN) về Trường Đại học Y Dược, ĐHQGHN với vị trí việc làm là giảng viên cơ hữu, ngạch giảng viên cao cấp. Trong suốt quá trình công tác, Giảng viên luôn chấp hành sự phân công công tác, các qui định, qui chế của nhà trường cũng như của bệnh viện.

+ Giảng viên hoàn thành đủ và vượt định mức giảng dạy và NCKH trong 06 năm liên tục (từ năm học 2018-2019 đến năm học 2023-2024).

+ Giảng viên đã hướng dẫn thành công 01 luận án tiến sĩ, 10 luận văn thạc sĩ và bác sĩ chuyên khoa 2. Trong đó, 01 luận án tiến sĩ về Vệ sinh xã hội học và Tổ chức y tế; 01 luận văn ThS về Dịch tễ học; 04 luận văn ThS về Quản lý bệnh viện; 03 luận văn CK2 về Tổ chức quản lý y tế; 02 luận văn ThS về điều dưỡng. Giảng viên hướng dẫn chính 04 thạc sĩ và 03 bác sĩ CK2 đã được cấp bằng.

+ Giảng viên tích cực tham gia các nhiệm vụ khác như hướng dẫn khoá luận, luận văn, ra đề coi thi, chấm thi lâm sàng và lý thuyết đầy đủ, đảm bảo đúng các quy định và quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như các quy định của nhà trường.

- Năng lực giảng dạy:

+ Giảng viên có năng lực chuyên môn, kinh nghiệm kiến thức thực tế và năng lực giảng dạy tốt. Luôn kết hợp giữa lý thuyết và lâm sàng thông qua nhiều hình thức dạy học tích cực khi được phân công giảng dạy cho các đối tượng sinh viên. Giảng viên không ngừng đổi mới sáng tạo các hình thức, phương pháp dạy và học tích cực, hiện đại và tham gia vào xu hướng hội nhập quốc tế vào trong giảng dạy.

+ Trong quá trình công tác, giảng viên luôn cho thấy sự nỗ lực học tập nâng cao trình độ (kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp; nghiệp vụ



sư phạm, bồi dưỡng chức danh giảng viên cao cấp, phương pháp dạy và học lâm sàng...), phấn đấu rèn luyện không ngừng nhằm đáp ứng mọi yêu cầu về chuyên môn giảng dạy, đào tạo và nghiên cứu khoa học và luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

- Ý kiến phản hồi của người học trong 3 năm gần nhất:

Giảng viên được các sinh viên đại học và học viên sau đại học phản hồi và đánh giá là giảng viên có kiến thức, kỹ năng, phương pháp, khả năng sư phạm phong phú, luôn tâm huyết, vui vẻ và nhiệt tình trong công tác giảng dạy và đào tạo. Kết quả đánh giá hàng năm từ sinh viên và phản hồi từ người học luôn ở mức tốt (đạt trung bình > 4,5/5 điểm đánh giá). Giảng viên luôn gương mẫu thực hiện tốt các quy định về đạo đức đối với nhà giáo.

- Phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng KHHCN:

Giảng viên đã tham gia với vai trò thành viên xây dựng các chương trình, Đề án, dự án của Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường Đại học Y Dược như: thành viên Tổ công tác của Đại học Quốc gia Hà Nội xây dựng Đề án sáp nhập Bệnh viện Xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng vào Đại học Quốc gia Hà Nội; thành viên Tổ đảm bảo chất lượng của Trường; thành viên Tổ công tác hoàn thiện, thẩm định các nội quy, quy chế của Trường; thành viên Tổ công tác thành lập các đơn vị thuộc/trực thuộc Trường; Thành viên Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo đại học (ngành Dược học, Y khoa, Răng Hàm Mặt, Kỹ thuật xét nghiệm Y học, Kỹ thuật hình ảnh y học); sau đại học (Nhãn khoa, Nhi khoa) và thành viên Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục....

- Đóng góp khác trong công tác đào tạo:

+ Giảng viên luôn có tinh thần đồng đội, làm việc nhóm, hỗ trợ và phối hợp tốt với đồng nghiệp trong giảng dạy, đào tạo và nghiên cứu khoa học.

+ Giảng viên có khả năng phối hợp với nhiều cơ quan và tổ chức uy tín trong các hoạt động giảng dạy và đào tạo như các cơ sở thực hành của Trường gồm các bệnh viện/viện tuyến Trung ương và Hà Nội cũng như các đơn vị thành viên trong Đại học Quốc gia Hà Nội.

+ Giảng viên còn là đồng chủ biên 01 cuốn giáo trình Phục hồi chức năng đã được nghiệm thu và đưa vào sử dụng trong giảng dạy; chủ biên 01 sách hướng dẫn và tham gia biên soạn 02 sách tham khảo và đã được sử dụng trong đào tạo.

b) Về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

- Năng lực nghiên cứu:

Giảng viên có năng lực nghiên cứu và triển khai các đề tài nghiên cứu. Cụ thể, giảng viên là chủ nhiệm và hoàn thành 01 Nhiệm vụ thuộc Chương trình Nghị định thư Việt



Nam – Hàn Quốc cấp Nhà nước, 09 đề tài cấp bộ, đang thực hiện 01 cấp Đại học Quốc gia Hà Nội và tham gia nghiên cứu nhiều đề tài khác cùng các nhà khoa học và đồng nghiệp.

- Kết quả công bố và xuất bản:

Giảng viên đã công bố nhiều kết quả nghiên cứu có giá trị khoa học và thực tiễn, góp phần tư vấn chính sách, cụ thể là chính sách đối với bệnh nghề nghiệp trong ngành xây dựng. Giảng viên đã công bố 46 bài báo trên các tạp chí uy tín (43 bài báo công bố trong nước, 03 bài báo công bố trên tạp chí quốc tế). Giảng viên là tác giả chính của 03 công bố quốc tế trên tạp chí uy tín; xuất bản 01 giáo trình, 01 sách hướng dẫn và tham gia biên soạn 02 sách tham khảo và đã được sử dụng trong đào tạo, NCKH phục vụ cho các đối tượng đại học và sau đại học của nhà trường.

- Tổ chức nghiên cứu:

Giảng viên có khả năng tổ chức và hỗ trợ các thành viên nhóm nghiên cứu triển khai thực hiện các đề tài nghiên cứu. Có khả năng tổ chức và phối hợp với nhiều cơ quan đơn vị như: Trường Đại học Y Hà Nội, Cục quản lý môi trường Bộ Y tế, Viện Y học lao động – Bộ Y tế, Học viện Quân Y – Bộ Quốc phòng, Viện Vật liệu – Bộ Xây dựng, các đơn vị trong ngành Xây dựng, Đại học Quốc gia Hà Nội và một số địa phương trong việc triển khai thực hiện các đề tài nghiên cứu. Kết quả giảng viên chủ trì nhiệm vụ 11 đề tài NCKH (trong đó có 01 Nhiệm vụ NCKH cấp Nhà nước và 10 đề tài cấp Bộ) và đã đóng góp một phần nhỏ trong lĩnh vực đào tạo, NCKH chuyên ngành dịch tễ học môi trường lao động và sức khỏe nghề nghiệp, phục hồi chức năng và quản lý bệnh viện.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học:

Giảng viên đã tham gia vào công tác tổ chức các buổi tập huấn, hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế đồng thời đã làm chủ trì các phiên báo cáo và có các báo cáo tại các Hội nghị quốc tế về sử dụng an toàn amiang chrysotyle (International Conference on Chrysotile) như: Hội nghị Quốc tế tại Ấn Độ, năm 2013 về cập nhật khoa học về sử dụng an toàn amiang chrysotile và các sản phẩm liên quan (Scientific update on safe use of chrysotile asbestos and related products), tại Thái lan năm 2014 (SAFE USE IN PRACTICE International Conference on Safe Use of Chrysotile Asbestos – National Conditions and Scientific Approach), Hội nghị về tình trạng y tế của các nước ASEAN, năm 2016 (Conference on the Medical Status of ASEAN Countries) tại Thái lan và nhiều hội nghị uy tín trong nước khác.



- Uy tín khoa học trong cộng đồng (*Google scholar, H-index, thành viên Hội đồng biên tập tạp chí có uy tín, ...*):

Giảng viên có uy tín trong cộng đồng chuyên môn, được mời tham gia nhiều hội nghị, hội thảo chuyên ngành, tham gia giảng dạy và tham gia các Hội đồng đánh giá luận văn, luận án, nghiệm thu đề tài NCKH các cấp, thông qua giáo trình, hội nghị khoa học tuổi trẻ... chuyên ngành y tế công cộng tại cơ sở đào tạo. Ngoài ra, giảng viên còn tham gia hoạt động cộng đồng tại các hội như: Phó Chủ tịch Hội Giáo dục Chăm sóc sức khỏe cộng đồng Việt Nam, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Quân Dân y Việt Nam...

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 13 năm.

- 06 năm đủ và vượt định mức giờ giảng, 03 năm cuối liên tục đủ giờ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018-2019			01 ThS		250,3		250,3/317,4/270
2	2019-2020			02 ThS		246,8		246,8/361,4/270
3	2020-2021				01	213		213/270,1/270
03 năm học cuối								
4	2021-2022			03 CK2		229		229/335,6/270
5	2022-2023					454,2		454,2/490,9/270
6	2023-2024			02 ThS		370,2		370,2/392,2/270

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS  hoặc luận án TS  hoặc TSKH ; tại nước: .....năm.....



b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: .....số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): B2 khung Châu Âu.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

Hướng dẫn 01 NCS, 07 HVCH, 03 BSCK2; trong đó hướng dẫn chính 04 cao học và 03 BSCK2 đã cấp bằng; 02 học viên cao học đang chờ cấp bằng.

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	CH/CK2	Chính	Phụ			
1	Trần An Dương	X			X	2012-2017	Viện vệ sinh dịch tễ TW	18/12/2017 Số bằng: 007435
2	Đinh Thị Hoa		ThS	X		2010-2011	Học viện Quân Y	08/5/2012 Số bằng: A 024161
3	Trịnh Thế Tiến		ThS	X		2/2017-10/2017	Trường ĐH YTCC	09/03/2018 Số bằng: A 186631
4	Nguyễn Ngọc Bảo Châu		ThS		X	2/2019-10/2019	Trường ĐH YTCC	20/02/2020 Số bằng: PB 0011
5	Nguyễn Quang Huy		ThS	X		2/2020-10/2020	Trường ĐH YTCC	20/02/2021 Số bằng: PB 0130
6	Phạm Ngọc Độ		ThS	X		2/2020-10/2020	Trường ĐH YTCC	20/02/2021 Số bằng: PB 0125
7	Hoàng Ngọc Hải		CK2	X		2/2022-10/2022	Trường ĐH YTCC	10/04/2023 Số bằng: A 012191
8	Nguyễn Tuấn Thành		CK2	X		2/2022-10/2022	Trường ĐH YTCC	10/4/2023 Số bằng: A 012204
9	Nguyễn Quang Sơn		CK2	X		2/2022-10/2022	Trường ĐH YTCC	10/04/2023 Số bằng: A 012162
10	Nguyễn Quang Đây		ThS	X		2023-2024	Trường ĐH Thăng Long	Chờ cấp bằng
11	Nguyễn Thị Thu Hiền		ThS	X		2023-2024	Trường ĐH Thăng Long	Chờ cấp bằng



## 5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
1							
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Bài giảng Phục hồi chức năng.	GT	NXB ĐHQGHN, năm 2023.	08	Đồng Chủ biên	32-50; 125-159	QĐ số 2320/QĐ-ĐHYD ngày 01/11/2023
2	Bệnh học.	TK	NXB Y học, năm 2023.	05	Đồng tác giả	125-312	QĐ số 2488/QĐ-ĐHYD ngày 29/12/2023
3	Quản lý chất lượng toàn diện (TQM) áp dụng trong bệnh viện.	TK	NXB Y học, 2017.	03	Đồng tác giả	84-183	QĐ số 357/QĐ-ĐHYD ngày 07/05/2021
4	Các biện pháp bảo đảm an toàn vệ sinh lao động và phòng chống bệnh nghề nghiệp tại các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng có sử dụng tro, xỉ, thạch cao tại Việt Nam.	TK	NXB Xây dựng, năm 2019.	05	Chủ biên		QĐ số 2095/QĐ-ĐHYD ngày 28/11/2022

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [ ].....

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

## 6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC NTK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận TS</b>				
1	Nghiên cứu một số đặc điểm dịch tễ học bệnh sốt rét của công nhân xây dựng các công trình thủy điện Quốc gia ở ngành xây dựng và đề xuất biện pháp can thiệp.	CN	Mã số: RD 40-04. Đề tài cấp Bộ	2004 - 2007	Nghiệm thu: 23/01/2007. Xếp loại KQ: Xuất sắc
2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, theo dõi, điều trị bệnh nghề nghiệp cho công nhân ngành Xây dựng.	CN	Mã số: RD 40-06. Đề tài cấp Bộ	2006 - 2009	Nghiệm thu: 07/04/2009 Xếp loại KQ: Đạt
3	Nghiên cứu một số bệnh lý về cơ xương khớp thường gặp ở công nhân Ngành Xây dựng và xây dựng phác đồ điều trị bằng phục hồi chức năng	CN	Mã số: RD 39 – 06. Đề tài cấp Bộ.	2006- 2009	Nghiệm thu: 11/9/2009 Xếp loại KQ: Khá
<b>II</b>	<b>Sau khi được công nhận TS</b>				
1	Điều tra, khảo sát đánh giá hiện trạng công tác quản lý chất thải y tế tại các cơ sở y tế ngành Xây dựng và đề xuất các giải pháp can thiệp.	CN	Mã số: MT 47-07. ĐT cấp Bộ.	2007- 2014	Nghiệm thu: 12/12/2011 Xếp loại KQ: Đạt
2	Xây dựng hệ thống quản lý giám sát sức khỏe cán bộ, công nhân viên ngành Xây dựng.	CN	Mã số: RD 64-07. ĐT cấp Bộ.	2007- 2014	Nghiệm thu: 06/03/2015. Xếp loại KQ: Đạt.
3	Điều tra, đánh giá hiện trạng công tác quản lý vệ sinh môi trường tại các công trường xây dựng và đề xuất giải pháp cải thiện chất lượng vệ sinh môi trường đảm bảo sức khỏe người lao động.	CN	Mã số: MT 18-08. ĐT cấp Bộ.	2008- 2014	Nghiệm thu: 24/03/2014. Xếp loại KQ: Xuất sắc



4	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ RFID vào hệ thống quản lý bệnh nhân, nhân viên và dịch vụ trong Bệnh viện Xây dựng.	CN	Mã số: RD 21-09. ĐT cấp Bộ.	2009 - 2014	Nghiệm thu: 04/03/2015. Xếp loại KQ: Đạt
5	Hợp tác nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật tiên tiến trong điều trị bệnh thoát vị đĩa đệm cột sống tại Bệnh viện Xây dựng – Bộ Xây dựng.	CN	HĐ số: 33/2012/HĐ- NĐT ngày 01/01/2012 của Bộ KH&CN Nhiệm vụ thuộc Chương trình Nghị định thư Việt Nam- Hàn Quốc. Cấp Nhà nước.	2012 - 2015	Nghiệm thu : 24/12/2015  Xếp loại: Đạt
6	Nghiên cứu ảnh hưởng của Amiăng trắng đối với sức khỏe người lao động tại các đơn vị sản xuất và người sử dụng tấm lợp Amiăng- ximăng.	CN	HĐ số 45/BXD- KHCN ngày 06/10/2014. ĐT cấp Bộ.	2014 - 2017	Nghiệm thu: 12/06/2017.  Xếp loại KQ: Khá
7	Nghiên cứu môi trường lao động, công tác quản lý an toàn vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động tại các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng có sử dụng tro, xỉ, thạch cao tại Việt Nam và đề xuất các giải pháp quản lý phù hợp.	CN	Mã số nhiệm vụ: TĐ 139-17. ĐT cấp Bộ.	2017- 2019	Nghiệm thu: 04/07/2019.  Xếp loại KQ: Đạt
8	Đánh giá tác dụng không mong muốn sau tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 ở đối tượng phụ nữ mang thai và cho con bú tại Bệnh viện Phụ Sản Hà Nội từ năm 2021-2022.	Đồng CN	Mã số nhiệm vụ: QGSP.2022.03.  ĐT cấp ĐHQGHN.	2022 - 2024	Đang thực hiện

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

Tổng số bài báo khoa học được công bố: 46, trong đó 03 bài báo quốc tế uy tín (sau khi được công nhận tiến sỹ), 43 bài báo trong nước (03 bài trước khi công nhận tiến sỹ, 40 bài sau khi công nhận tiến sỹ).

Số bài báo quốc tế uy tín ứng viên là tác giả chính sau khi được công nhận tiến sỹ: 03.

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

STT	Tên bài báo KH	Số tác giả	Là tác giả chính (*)	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận TS</b>							
1	Một số đặc điểm dịch tễ học của bệnh bụi phổi-silic ở công nhân sản xuất vật liệu ngành xây dựng.	4	*	Tạp chí Y Dược học quân sự. ISSN:1859-0748			Tập 27 Số 1/2002: 35-40.	01/2002
2	Một số đặc điểm dịch tễ học bệnh bụi phổi-silic ở công nhân sản xuất vật liệu ngành xây dựng.	4	*	Tạp chí Y học thực hành. ISSN: 0866-7241			Tập Số 2 (408): 73-75.	02/2002
3	Tỷ lệ mới mắc, chỉ số mật độ mới mắc và một số yếu tố liên quan của bệnh bụi phổi-silic ở công nhân sản xuất vật liệu xây dựng.	3	*	Tạp chí Y học thực hành. ISSN: 0866-7241			Số 10 (555): 72-74.	10/2006
<b>II</b>	<b>Sau khi được công nhận TS</b>							
<b>II.1</b>	<b>Các bài báo thuộc danh mục Web of Science/SCOPUS</b>							
4	Asbestos dust concentration and health of workers at Asbestos - Cement sheet production manufacturers in Vietnam: a nationwide assessment. <a href="https://doi.org/10.1080/10803548.2022.2035510">https://doi.org/10.1080/10803548.2022.2035510</a>	3	*	JOSE - International Journal of Occupational Safety and Ergonomic ISSN: 10803548	SSCI; Scopus Q2		2022 Mar;29 (1):263-267. doi: 10.1080/10803548.2022.2035510.	3/2022



5	Non-communicable diseases prevention in remote areas of Vietnam: Limited roles of health education and community workers. <a href="https://doi.org/10.1371/journal.pone.0273047">https://doi.org/10.1371/journal.pone.0273047</a>	13	*	PLOS ONE, ISSN: 19326203	SCIE; Scopus Q1		2022 Sep 26;17(9):e0273047. doi: 10.1371/journal.pone.0273047.	9/2022
6	Exploring preoperative preparation adherence and barriers in private hospitals in Vietnam: A mixed-method evaluation, <a href="https://doi.org/10.1080/20479700.2023.224605">https://doi.org/10.1080/20479700.2023.224605</a>	5	*	International Journal of Healthcare Management. ISSN: 20479719	ESCI; Scopus Q2		<a href="https://doi.org/10.1080/20479700.2023.224605">https://doi.org/10.1080/20479700.2023.224605</a>	6/2023
<b>II.2</b>	<b>Các bài báo quốc tế và trong nước không thuộc danh mục Web of Science/SCOPUS</b>							
7	Khả năng và mong muốn chi trả phí dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình của phụ nữ từ 15 – 49 tuổi tại 3 huyện tỉnh Quảng Ninh, năm 2013.	4	Đồng tác giả	Tạp chí Y học Dự phòng. ISSN: 0868 - 2836			Tập XXV Số 8 (168): 552-557	9/2015
8	Một số kết quả nghiên cứu điều trị thoát vị đĩa đệm cột sống cổ bằng phương pháp nội khoa kết hợp với vật lý trị liệu, phục hồi chức năng và điện châm.	3	*	Tạp chí Y học thực hành, ISSN: 1859-1663			Số 11 (986): 175-177.	11/2015
9	Một số kết quả nghiên cứu điều trị thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng bằng nội khoa kết hợp vật lý trị liệu, phục hồi chức năng và điện châm.	3	*	Tạp chí Y học thực hành, ISSN: 1859-1663			Số 11 (986): 195-196.	11/2015

10	Báo cáo nghiên cứu hiệu quả điều trị thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng cùng bằng phương pháp phẫu thuật xâm lấn tối thiểu sử dụng kính vi phẫu tại Bệnh viện Xây dựng.	3	*	Tạp chí Y học thực hành ISSN: 1859-1663			Số 11 (987): 151-153.	11/2015
11	Một số kết quả điều trị thoát vị đĩa đệm cột sống cổ bằng phương pháp phẫu thuật xâm lấn tối thiểu sử dụng kính vi phẫu.	3	*	Tạp chí Y học thực hành. ISSN: 1859-1663			Số 11 (987): 174-177.	11/2015
12	Đánh giá hiệu quả một số giải pháp đảm bảo sự sẵn sàng và sẵn có của dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản tại trạm y tế xã, tỉnh Quảng Ninh.	4	Đồng tác giả	Tạp chí Y học Dự phòng. ISSN: 0868 - 2836			Tập XXVI Số 7 (180): 88-94.	6/2016
13	Study of Impacts of Chrysotile on Health of Workers at Manufacturing Sites and on Users of Asbestos-Cement Roof-Sheets.	1	*	Conference on the Medical Status of ASEAN Countries, Thailand.			July 28 & 29,	7/2016
14	Nghiên cứu thực trạng cung ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản tại tuyến xã, tỉnh Quảng Ninh, năm 2012.	5	Đồng tác giả	Tạp chí Y học dự phòng. ISSN: 0868 - 2836			Tập 27; Số 7: 58-66	9/2017
15	Nghiên cứu bước đầu về tình hình sức khỏe và bệnh nghề nghiệp của người lao động tại các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng có sử dụng tro, xỉ, thạch cao FGD.	6	*	Tạp chí Y học thực hành. ISSN: 1859-1663			Số 4 (1095): 13-19.	4/2019



16	Tổng quan tình hình phát thải, lưu giữ, tái sử dụng tro, xỉ, thạch cao tại Việt Nam.	5	*	Tạp chí Y học thực hành. ISSN: 1859-1663			Số 5 (1098): 35-39.	5/2019
17	Thực trạng môi trường lao động và công tác quản lý an toàn vệ sinh lao động tại các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng có sử dụng tro, xỉ, thạch cao FGD.	5	*	Tạp chí Y học thực hành. ISSN: 1859-1663			Số 5 (1098): 3-7.	5/2019
18	Sự hài lòng với công việc của điều dưỡng và một số yếu tố ảnh hưởng tại Bệnh viện đa khoa Trung tâm Tiền Giang năm 2019. <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v507i2.1395">https://doi.org/10.51298/vmj.v507i2.1395</a>	2	*	Tạp chí Y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868			Tập 507. Số 2: 32-37.	10/2021
19	Thực trạng môi trường lao động và sức khỏe của công nhân sản xuất tấm lợp amiang-xi măng tại Công ty Cổ phần đầu tư, xây lắp và vật liệu xây dựng Đông Anh, Hà Nội, năm 2021. <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v514i1.2508">https://doi.org/10.51298/vmj.v514i1.2508</a>	2	*	Tạp chí Y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868			Tập 514. Số 1: 30-36.	5/2022
20	Tuân thủ quy trình an toàn trong phẫu thuật của nhân viên y tế tại khoa Gây mê hồi sức Bệnh viện Quân Y 6 năm 2022. <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v524i1A.4683">https://doi.org/10.51298/vmj.v524i1A.4683</a>	2	*	Tạp chí Y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868			Tập 524 Số 1A: 327-332.	3/2023
21	Thực trạng trầm cảm của người bệnh sau điều trị COVID-19 tại Bệnh viện đa khoa Nông nghiệp năm 2022 và một số	2	*	Tạp chí Y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868			Tập 524 Số 2: 144-149.	3/2023

	yếu tố liên quan. <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v524i2.4844">https://doi.org/10.51298/vmj.v524i2.4844</a>							
22	Thực trạng kiệt sức nghề nghiệp của điều dưỡng viên phòng mổ tại bệnh viện Phụ sản Trung ương năm 2022. <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v524i2.4866">https://doi.org/10.51298/vmj.v524i2.4866</a> .	2	*	Tạp chí Y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868			Tập 524. Số 2: 240-244	3/2023
23	Tuân thủ quy trình an toàn thủ thuật nội soi dạ dày của nhân viên y tế tại khoa Chẩn đoán hình ảnh – giải phẫu bệnh lý Trung tâm y tế huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc năm 2022. <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v524i1A.4687">https://doi.org/10.51298/vmj.v524i1A.4687</a>	2	*	Tạp chí Y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868			Tập 524. Số 1A: 345-351.	3/2023
24	Thực trạng sử dụng kháng sinh trên bệnh nhân hệ ngoại tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình, năm 2020. <a href="https://doi.org/10.52163/yhc.v64i3.638">https://doi.org/10.52163/yhc.v64i3.638</a>	4	Đồng tác giả	Tạp chí Y học cộng đồng ISSN: 2354-0613			Tập 64. Số 3: 29-36	3/2023
25	Phân tích một số yếu tố liên quan đến kết quả đánh giá của học viên về hoạt động đào tạo liên tục tại Bệnh viện Bạch Mai năm 2020-2021. <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v524i1B.4744">https://doi.org/10.51298/vmj.v524i1B.4744</a>	2	*	Tạp chí Y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868			Tập 524. Số 1B: 132-135	3/2023
26	Kiến thức, thực hành quản lý đồ vải của nhân viên y tế Bệnh viện Mắt Trung ương, năm 2021. <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v524i1B.4769">https://doi.org/10.51298/vmj.v524i1B.4769</a>	2	*	Tạp chí Y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868			Tập 524. Số 1B: 236-239	3/2023



27	Phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến việc tuân thủ quy trình an toàn trong phẫu thuật của nhân viên y tế tại Bệnh viện Quân y 6, năm 2022. <a href="https://doi.org/10.47972/vjcts.v41i.868">https://doi.org/10.47972/vjcts.v41i.868</a>	2	*	Tạp chí Phẫu thuật Tim mạch và lồng ngực Việt Nam. ISSN: 0866-7551			Số 41: 64-71.	4/2023
28	Phân tích một số yếu tố liên quan đến tuân thủ điều trị của người bệnh Lo xê mi king dòng bạch cầu hạt điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Huyết học – Truyền máu Trung ương, năm 2022. <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v525i2.5264">https://doi.org/10.51298/vmj.v525i2.5264</a>	2	*	Tạp chí Y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868			Tập 525: Số 2: 368-372.	4/2023
29	Thực trạng trầm cảm của người bệnh trước và sau phẫu thuật tại Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City năm 2022 và một số yếu tố liên quan. <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v525i1A.4978">https://doi.org/10.51298/vmj.v525i1A.4978</a>	2	*	Tạp chí Y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868			Tập 525. Số 1A: 217-222.	4/2023
30	Phân tích một số yếu tố liên quan đến tuân thủ điều trị của người bệnh xơ gan điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Quân Y 354 năm 2021. <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v525i1A.4940">https://doi.org/10.51298/vmj.v525i1A.4940</a>	2	*	Tạp chí Y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868			Tập 525 Số 1A: 85-89.	4/2023
31	Kiến thức về phòng ngừa chuẩn trong kiểm soát nhiễm khuẩn và một số yếu tố liên quan của nhân viên y tế Bệnh viện	2	*	Tạp chí Y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868			Tập 525. Số 1B: 108-111	4/2023

	Mắt Trung ương. <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v525i1B.5075">https://doi.org/10.51298/vmj.v525i1B.5075</a>						
32	Thực trạng văn hóa an toàn người bệnh của nhân viên y tế Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang năm 2021. <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v525i1B.5104">https://doi.org/10.51298/vmj.v525i1B.5104</a>	2	*	Tạp chí Y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868			Tập 525. Số 1B: 210-214 4/2023
33	Thực trạng lo âu của người bệnh trước và sau phẫu thuật tại Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Times City năm 2022 và một số yếu tố liên quan. <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v525i2.5202">https://doi.org/10.51298/vmj.v525i2.5202</a>	2	*	Tạp chí Y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868			Tập 525. Số 2: 139-143 4/2023
34	Phân tích một số yếu tố liên quan đến tình trạng dinh dưỡng của người bệnh lao phổi tại khoa hô hấp, Bệnh viện Phổi Trung ương, năm 2019. <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v526i1A.5374">https://doi.org/10.51298/vmj.v526i1A.5374</a>	2	Đồng tác giả	Tạp chí Y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868			Tập 526. Số 1A: 383-387. 5/2023
35	Tuân thủ quy trình an toàn phẫu thuật của nhân viên y tế tại Khoa Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ và phục hồi chức năng Bệnh viện Da liễu Trung ương, năm 2020. <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v526i1A.5353">https://doi.org/10.51298/vmj.v526i1A.5353</a>	2	*	Tạp chí Y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868			Tập 526 Số 1A: 308-313. 5/2023
36	Phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng kháng sinh trên bệnh nhân hệ ngoại tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh	3	Đồng tác giả	Tạp chí Y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868			Tập 526. Số 2: 370-375. 5/2023



	Thái Bình năm 2020. <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v526i2.5592">https://doi.org/10.51298/vmj.v526i2.5592</a>							
37	Tâm lý của thai phụ tiêm vắc-xin phòng COVID-19 tại Bệnh viện Phụ Sản Hà Nội năm 2021. <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v526i2.5557">https://doi.org/10.51298/vmj.v526i2.5557</a>	8	Đồng tác giả	Tạp chí Y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868			Tập 526: Số 2: 222-226.	5/2023
38	Kết quả cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại phòng khám Đa khoa Linh Xuân, Bệnh viện Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, giai đoạn 1/2019-6/2022. <a href="https://doi.org/10.51298/vmj.v526i1A.5290">https://doi.org/10.51298/vmj.v526i1A.5290</a>	2	*	Tạp chí Y học Việt Nam. ISSN: 1859-1868			Tập 526. Số 1A 67-72	5/2023
39	Nhận thức về an toàn người bệnh của điều dưỡng tại Bệnh viện Đại học Y Dược, ĐHQGHN năm 2023. <a href="https://doi.org/10.52163/yhc.v65i2.928">https://doi.org/10.52163/yhc.v65i2.928</a>	3	Đồng tác giả	Tạp chí Y học cộng đồng ISSN: 2354-0613			Tập 65. Số 2: 80-89	2/2024
40	Kiến thức và thực hành tuân thủ điều trị của người bệnh tăng huyết áp tại phòng khám bệnh viện Đại học Y Dược, ĐHQGHN năm 2023. <a href="https://doi.org/10.52163/yhc.v65iCD2.1007">https://doi.org/10.52163/yhc.v65iCD2.1007</a>	4	Đồng tác giả	Tạp chí Y học cộng đồng ISSN: 2354-0613			Tập 65. Special Issue 2, 2024: 15-22.	2/2024
41	Phân tích một số yếu tố liên quan đến tuân thủ điều trị của người bệnh loét dạ dày tá tràng theo dõi ngoại trú tại Bệnh viện Đại học Y Dược, ĐHQGHN năm 2023.	3	Đồng tác giả	Tạp chí Y học cộng đồng ISSN: 2354-0613			Tập 65. Special Issue 2, 2024: 236-244	2/2024

	<a href="https://doi.org/10.52163/yhc.v65iCD2.1034">https://doi.org/10.52163/yhc.v65iCD2.1034</a>							
42	Phân tích một số yếu tố liên quan đến bạo hành nhân viên y tế tại Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn, năm 2020. <a href="https://doi.org/10.52163/yhc.v65iCD2.1027">https://doi.org/10.52163/yhc.v65iCD2.1027</a>	3	Đồng tác giả	Tạp chí Y học cộng đồng ISSN: 2354-0613			Tập 65. Special Issue 2, 2024: 176-185	2/2024
43	Chất lượng cuộc sống của người bệnh ung thư phổi sau xạ trị tại Bệnh viện Phổi Trung ương, năm 2020. <a href="https://doi.org/10.52163/yhc.v65iCD2.1028">https://doi.org/10.52163/yhc.v65iCD2.1028</a>	4	Đồng tác giả	Tạp chí Y học cộng đồng ISSN: 2354-0613			Tập 65. Special Issue 2, 2024: 185-194.	2/2024
44	Phân tích một số yếu tố liên quan đến nhận thức về an toàn người bệnh của điều dưỡng tại Bệnh viện Đại học Y Dược, ĐHQGHN, năm 2023. <a href="https://doi.org/10.52163/yhc.v65i3.1066">https://doi.org/10.52163/yhc.v65i3.1066</a>	2	*	Tạp chí Y học cộng đồng ISSN: 2354-0613			Tập 65. Số 3, 2024: 111-121	3/2024
45	Phân tích một số yếu tố liên quan và rào cản đến sự tuân thủ điều trị của người bệnh tăng huyết áp tại Bệnh viện Đại học Y Dược, ĐHQGHN, năm 2023. <a href="https://doi.org/10.52163/yhc.v65i3.1068">https://doi.org/10.52163/yhc.v65i3.1068</a>	2	*	Tạp chí Y học cộng đồng ISSN: 2354-0613			Tập 65. Số 3, 2024: 131-139.	3/2024
46	Thực trạng kiến thức và thực hành về an toàn thực phẩm của người chế biến ở các cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố tại	2	*	Tạp chí Y học cộng đồng ISSN: 2354-0613			Tập 65 Số 4, 2024: 131-138.	4/2024



Thành phố Cần Thơ năm 2022. <a href="https://doi.org/10.52163/yhc.v65i4.1206">https://doi.org/10.52163/yhc.v65i4.1206</a>							
--	--	--	--	--	--	--	--

- Trong đó: 03 bài báo quốc tế uy tín ứng viên là tác giả chính sau khi được công nhận tiến sỹ [4, 5, 6].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Tên chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học (bao gồm xây dựng, thiết kế chương trình mới và sửa đổi, bổ sung)	Trách nhiệm	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản thẩm định để đưa vào sử dụng
1	Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học.	Tham gia	Trường ĐH Y Dược, ĐHQGHN	QĐ848/QĐ-ĐHYD ngày 24/05/2022
2	Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Thạc sỹ chuyên ngành Răng Hàm Mặt.	Tham gia	Trường ĐH Y Dược, ĐHQGHN	QĐ1460/QĐ-ĐHYD ngày 26/06/2023
3	Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Thạc sỹ chuyên ngành Nhi khoa.	Tham gia	Trường ĐH Y Dược, ĐHQGHN	QĐ1459/QĐ-ĐHYD ngày 26/06/2023
4	Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Thạc sỹ chuyên ngành Nhân khoa.	Tham gia	Trường ĐH Y Dược, ĐHQGHN	QĐ1462/QĐ-ĐHYD ngày 26/06/2023
5	Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo CLC trình độ đại học chuyên ngành Răng Hàm Mặt.	Tham gia	Trường ĐH Y Dược, ĐHQGHN	QĐ1455/QĐ-ĐHYD ngày 26/06/2023
6	Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học.	Tham gia	Trường ĐH Y Dược, ĐHQGHN	QĐ1461/QĐ-ĐHYD ngày 26/06/2023
7	Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Kỹ thuật hình ảnh y học.	Tham gia	Trường ĐH Y Dược, ĐHQGHN	QĐ1457/QĐ-ĐHYD ngày 26/06/2023

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

Ứng viên không thiếu tiêu chuẩn nào so với quy định.

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)



Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: .....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: .....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: ...

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2024

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**Lê Thị Hằng**